

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ LIÊN HIỆP VẬN CHUYỂN (GEMADEPT)

Địa chỉ: Lầu 15, số 35 đường Nguyễn Huệ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2006

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển (Gemadept) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển (Gemadept) và các công ty con, công ty liên kết (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Đại lý, dịch vụ hàng hải.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Tổ chức kinh doanh vận tải đa phương thức, kinh doanh vận tải khai thác bến bãi container và các dịch vụ liên quan, thực hiện nhiệm vụ đại lý và môi giới hàng hải, kinh doanh dịch vụ đại lý vận tải giao nhận hàng hóa bằng đường biển và đường hàng không. Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa. Dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường sông, đường biển, hàng không. Mua bán, cho thuê tàu, container, máy móc, thiết bị hàng hải. Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp. Đóng mới, sửa chữa các phương tiện vận tải thủy, biển. Đầu tư và khai thác cảng biển.
4. **Tổng số các công ty con** : 06
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 05
Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 01.

5. Danh sách các công ty con được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Quyền biểu quyết</i>
Gemadept (Singapore) Ltd.	70 Shenton way # 08 – 03 / 04 Marina house, Singapore 079118.	100 %	100 %
Gemadept (Malaysia) Ltd.	4217-4219, 3rd floor, Persiaran Raja, Muda Musa, 4200 Port Klang, Selangor Darul Ehsan, Malaysia.	100 %	100 %
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	Lầu 15, Harbour View Tower, số 35 Nguyễn Huệ, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100 %	100 %
Công ty OOCL Việt Nam	Số 02 Thi Sách, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	51 %	51 %
Công ty Sinokor Việt Nam	lầu 15, Harbour View Tower, số 35 Nguyễn Huệ, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	51 %	51 %

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ LIÊN HIỆP VẬN CHUYỂN (GEMADEPT)

Địa chỉ: Lầu 15, số 35 đường Nguyễn Huệ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Các công ty con bị loại khỏi quá trình hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Lý do</i>
Công ty cổ phần Cảng Quốc tế Dung Quất	56 Đại lộ Hùng Vương, TP. Quảng Ngãi, Việt Nam	Chưa hoạt động

7. Các công ty liên kết được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ phần sở hữu</i>
Công ty MBN-GMD Việt Nam	lầu 9, Harbour View Tower, số 35 Nguyễn Huệ, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Dịch vụ cho thuê kho cho các nhà xuất khẩu cà phê và hàng nông sản Việt Nam dưới hình thức kho “bảo đảm thanh toán”.	34 %
Công ty cổ phần Thương Cảng Vũng Tàu	973 Đường 30/4- P11- TP. Vũng Tàu, Việt Nam.	Kinh doanh tổng hợp ,dịch vụ kho vận, kho ngoại quan, khai thác cát, sỏi, đá, sản xuất bia, thức uống, nước tinh khiết,xây dựng, lắp đặt, san lấp công trình xây dựng, nuôi thủy sản, dịch vụ khai thuê hải quan, môi giới bất động sản.	26,78%
Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo	72 Đường 19/4, Phường Xuân An, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.	Sản xuất và kinh doanh nước khoáng.	32,98%

8. Các công ty liên kết chưa được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Lý do</i>
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng	Số 117 Lê Lợi, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Chưa hoạt động
Cảng tổng hợp Lê Chân	Ngõ 201, Phường Máy Chai, Đường Ngô Quyền, Quận Ngô Quyền – Hải Phòng, Việt Nam	Chưa hoạt động

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ LIÊN HIỆP VẬN CHUYỂN (GEMADEPT)

Địa chỉ: Lầu 15, số 35 đường Nguyễn Huệ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Cơ sở hợp nhất

Các công ty con

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ LIÊN HIỆP VẬN CHUYỂN (GEMADEPT)

Địa chỉ: Lầu 15, số 35 đường Nguyễn Huệ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi hoặc lỗ của Tập đoàn trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và có điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ LIÊN HIỆP VẬN CHUYỂN (GEMADEPT)

Địa chỉ: Lầu 15, số 35 đường Nguyễn Huệ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 23
Máy móc và thiết bị	5 - 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 7

7. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài được công bố tại thuyết minh số IV.6.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ LIÊN HIỆP VẬN CHUYỂN (GEMADEPT)

Địa chỉ: Lầu 15, số 35 đường Nguyễn Huệ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Trong năm, Tập đoàn chưa khấu hao quyền sử dụng đất do chưa đưa vào sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra để có được chương trình kế toán phục vụ cho việc hạch toán, quản lý kế toán, tài chính. Chi phí này được khấu hao trong 3 năm.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

12. Hoạt động liên doanh

Lợi ích của Tập đoàn trong những hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được ghi nhận vào Báo cáo tài chính bằng cách phân bổ phần của Tập đoàn trong tài sản, công nợ, thu nhập và chi phí vào những khoản mục tương ứng.

13. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa thể hiện khoản tiền sửa chữa, cải tạo bến bãi, nút giao thông, nội thất của ICD 1, ICD 2; kiểm tra, bảo dưỡng nạo vét bến phao... phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Chi phí này được phân bổ trong 2 năm kể từ khi phát sinh.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng (chủ yếu là phụ tùng container, phụ tùng xe nâng, dây cáp thép, vỏ xe...) được phân bổ vào chi phí trong kỳ trong 2 năm theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác được phân bổ theo thời hạn ghi trên hóa đơn, hợp đồng hoặc phân bổ không quá 2 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ LIÊN HIỆP VẬN CHUYỂN (GEMADEPT)

Địa chỉ: Lầu 15, số 35 đường Nguyễn Huệ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng của các tháng trước và quý trước.

15. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc.

Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 1-3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Riêng mức trích trợ cấp thôi việc của Công ty OOCL Việt Nam là $\frac{1}{2}$ tháng lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

16. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông Công ty mẹ.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ.

17. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

18. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ LIÊN HIỆP VẬN CHUYỂN (GEMADEPT)

Địa chỉ: Lầu 15, số 35 đường Nguyễn Huệ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Công ty mẹ (Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển Gemadept): áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 28 % trên thu nhập chịu thuế.
- Các công ty con:
 - Gemadept (Singapore) Ltd.: được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại mục 13A, khoản 134 của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp Singapore (Section 13A, the Singapore Income Tax Act, Cap. 134).

Gemadept (Malaysia) Ltd.: thuế suất 20% đối với thu nhập chịu thuế từ 500.000 Ringgit Malaysia (MYR) trở xuống và 28% đối với thu nhập chịu thuế trên 500.000 MYR.

Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M: thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 28% thu nhập chịu thuế.

Công ty OOCL Việt Nam: thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 20% thu nhập chịu thuế trong 10 năm kể từ khi Công ty bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh và bằng 28% cho các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% cho 3 năm tiếp theo.

Công ty Sinokor Việt Nam: thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 20% thu nhập chịu thuế trong 10 năm kể từ khi Công ty bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh và bằng 28% cho các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% cho 3 năm tiếp theo.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ LIÊN HIỆP VẬN CHUYỂN (GEMADEPT)

Địa chỉ: Lầu 15, số 35 đường Nguyễn Huệ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Trong việc hợp nhất báo cáo tài chính, các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả kinh doanh của cơ sở ở nước ngoài được qui đổi sang đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá cuối năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ chuyển đổi Báo cáo tài chính của cơ sở nước ngoài được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và chỉ được tính vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính khi Tập đoàn thanh lý khoản đầu tư thuần này.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày:	31/12/2005	:	15.872VND/USD
		:	9.484 VND/SGD
		:	4.200 VND/RM
	31/12/2006	:	16.091VND/USD
		:	20.859 VND/EUR
		:	10.550 VND/SGD
		:	4.408 VND/RM

21. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ LIÊN HIỆP VẬN CHUYỂN (GEMADEPT)

Địa chỉ: Lầu 15, số 35 đường Nguyễn Huệ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	3.411.902.362	5.001.432.808
Tiền gửi ngân hàng	92.088.808.826	245.317.382.354
Tiền đang chuyển	8.396.460.000	-
Cộng	103.897.171.188	250.318.815.162

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu	10.861.655.365	-
Chứng chỉ Quỹ đầu tư cân bằng Prudential	9.991.000.000	-
Cộng	20.852.655.365	-

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty mẹ - Gemadept (Việt Nam)	116.260.524.348	106.684.393.131
Gemadept (Singapore) Ltd.	6.039.273.650	-
Gemadept (Malaysia) Ltd.	13.500.097.716	16.221.756.600
Công ty OOCL Việt Nam	19.934.707.000	15.994.510.800
Công ty Sinokor Việt Nam	9.426.673.031	255.927.100
Cộng	165.161.275.745	139.156.587.631

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty mẹ - Gemadept (Việt Nam)	21.113.679.195	28.824.978.514
Gemadept (Singapore) Ltd.	1.195.863.600	619.570.752
Cộng	22.309.542.795	29.444.549.266

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ LIÊN HIỆP VẬN CHUYỂN (GEMADEPT)

Địa chỉ: Lầu 15, số 35 đường Nguyễn Huệ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Các khoản phải thu khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về các khoản chi hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	16.216.557.958	17.285.047.579
<i>Phải thu về dịch vụ đại lý tàu biển</i>	<i>907.049.198</i>	<i>1.422.274.842</i>
<i>Phải thu về dịch vụ đại lý container</i>	<i>2.760.188.886</i>	<i>3.879.265.213</i>
<i>Phải thu về dịch vụ đại lý giao nhận vận tải</i>	<i>12.549.319.874</i>	<i>11.983.507.524</i>
Phải thu về các khoản nộp thừa	47.117.638	48.934.464
Phải thu từ các công ty liên kết, hợp tác	32.868.856.357	7.036.382.808
Phải thu Công ty xây dựng và tư vấn đầu tư CIC về chi phí khảo sát địa chất khu công nghiệp Sóng Thần	-	55.398.000
Phải thu của Hub Shipping Sdn Bhd (Singapore) do chi thừa	1.851.135.512	-
Phải thu về kinh doanh chứng khoán	22.500.000.000	-
Phải thu về các khoản cho cá nhân ngoài Công ty mượn	642.298.241	-
Phải thu khác	20.749.612.056	9.654.418.898
Cộng	94.875.577.762	34.080.181.749

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH nước giải khát Việt Nam	-	257.033.038
Công ty gạch ốp lát Hà Nội	5.265.000	5.265.000
Công ty thương mại và giao nhận quốc tế	96.124.248	96.124.248
Công ty TNHH Giang Anh	183.250.000	183.250.000
Công ty vận tải Nghĩa Hưng	20.412.000	20.412.000
Nguyễn Đức Hùng -YML Hà Nội	140.112.750	140.112.750
Công ty xuất nhập khẩu vật tư đường biển	262.834.518	-
Công ty chế biến nông sản thực phẩm Phú Thọ	30.700.000	-
Cộng	738.698.516	702.197.036

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	5.408.270.723	2.741.435.447
Nhiên liệu	203.281.347	101.501.576
Cộng	5.611.552.070	2.842.937.023

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê văn phòng	-	7.000.000
Chi phí làm cầu vượt qua ống cấp nước tại Cảng Phước Long ICD1	-	282.500.000
Chi phí đền bù giải toả bến phao 21	-	189.583.333
Chi phí mua vật tư container	-	597.835.902
Chi phí bảo lãnh tại ngân hàng HSBC	1.873.655.350	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	263.725.333	-
Cộng	2.137.380.683	1.076.919.235

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ LIÊN HIỆP VẬN CHUYỂN (GEMADEPT)

Địa chỉ: Lầu 15, số 35 đường Nguyễn Huệ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa phải thu của Công ty OOCL Việt Nam.

10. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	9.258.149.506	4.005.614.158
Tài sản thiếu chờ xử lý	12.731.192	23.060.300
Ký quỹ ngắn hạn	143.536.182.336	93.486.266.406
Tài sản ngắn hạn khác	-	206.336.000
Cộng	152.807.063.034	97.721.276.864

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Thông tin về tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình được trình bày tại phụ lục 1.

12. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn
Nguyên giá	
Số đầu năm	4.179.088.370
Tăng trong năm	26.906.485.195
Số cuối năm	31.085.573.565
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	4.179.088.370
Khấu hao trong năm	847.738.585
Số cuối năm	5.026.826.955
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	26.058.746.610

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	9.797.658.410	18.250.000	9.815.908.410
Số cuối năm	9.797.658.410	18.250.000	9.815.908.410
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	1.013.888	1.013.888
Khấu hao trong năm	-	6.083.328	6.083.328
Số cuối năm	-	7.097.216	7.097.216
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	9.797.658.410	17.236.112	9.814.894.522
Số cuối năm	9.797.658.410	11.152.784	9.808.811.194

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ LIÊN HIỆP VẬN CHUYỂN (GEMADEPT)

Địa chỉ: Lầu 15, số 35 đường Nguyễn Huệ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	-	7.090.144.790	(5.076.232.827)	-	2.013.911.963
- Đầu kéo xe Man 40.604 DFAT 6X6 BBS	-	3.974.841.947	(3.974.841.947)	-	-
- Mua xe nâng hàng Toyota 5FD25	-	89.523.809	(89.523.809)	-	-
- Hệ thống camera quan sát tại ICD1 và ICD2	-	655.001.843	(655.001.843)	-	-
- Tiền mua Trailer trang bị cho bộ phận cơ giới	-	1.877.548.327	-	-	1.877.548.327
- Phí thiết kế tàu chở container 75teurs hỗn hợp	-	136.363.636	-	-	136.363.636
- Thủ tục phí đăng ký xe Man 40.604 DFAT 6X6 BBS	-	22.471.592	(22.471.592)	-	-
- Trạm biến áp 750KVA - Cảng Phước Long - TCD2	-	334.393.636	(334.393.636)	-	-
XDCB dở dang	22.599.391.112	10.293.833.326	-	(195.725.377)	32.697.499.061
- Khảo sát, thiết kế tòa nhà số 4 Lê Thánh Tôn, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	4.857.934.076	4.662.598.447	-	-	9.520.532.523
- Đầu tư quy hoạch khu bắc Rạch Chiếc, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh	14.367.731.969	389.335.282	-	-	14.757.067.251
- Chi phí khảo sát thiết kế dự án Phú Thuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh	119.028.883	-	-	-	119.028.883
- Lắp ráp công trực ICD1	167.500.000	-	-	-	167.500.000
- Văn phòng Quang Trung Đà Nẵng	17.348.116	681.585.688	-	-	698.933.804
- Văn phòng Quy Nhơn	-	2.363.045.783	-	-	2.363.045.783
- Chi phí thiết kế bãi chứa container Bãi Cháy	179.643.600	-	-	-	179.643.600
- Chi phí tư vấn, đầu tư xây dựng cao ốc Lê Lợi	2.694.479.091	-	-	-	2.694.479.091
- Dự án Dung Quất	195.725.377	-	-	(195.725.377)	-
- Dự án Cái Mép	-	2.197.268.126	-	-	2.197.268.126
Cộng	22.599.391.112	17.383.978.116	(5.076.232.827)	(195.725.377)	34.711.411.024

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ LIÊN HIỆP VẬN CHUYỂN (GEMADEPT)

Địa chỉ: Lầu 15, số 35 đường Nguyễn Huệ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**15. Đầu tư vào công ty con**

Tên công ty con	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đầu tư
	Theo giấy phép	Thực góp	
Công ty cổ phần Cảng Quốc tế Dung Quất (*)	55	30	8.250.000.000
Cộng			8.250.000.000

(*) Hiện nay dự án Công ty cổ phần Cảng Quốc tế Dung Quốc vẫn đang trong quá trình triển khai và chưa hoạt động.

16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm	Số đầu năm
Khoản đầu tư Công ty liên kết	81.935.180.000	22.425.160.089
Khoản lãi từ Công ty liên kết	4.344.633.536	-
Cộng	86.279.813.536	22.425.160.089

17. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu	99.880.168.000	14.000.000.000
Đầu tư trái phiếu, công trái	510.000.000	615.170.000
Đầu tư dài hạn khác	13.147.052.089	-
Cộng	113.537.220.089	14.615.170.000

18. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty mẹ - Gemadept (Việt Nam)	5.075.154.010	15.226.766.911
Công ty OOCL Việt Nam	1.215.456.000	1.677.895.000
Công ty Sinokor Việt Nam	693.552.731	295.642.800
Cộng	6.984.162.741	17.200.304.711

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

20. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ tại các nhà cung cấp dịch vụ cho thuê nhà, thuê văn phòng	1.342.440.419	538.233.315
Ký quỹ tại các hãng hàng không để đảm bảo thanh toán cước vận chuyển đường hàng không	1.126.370.000	1.349.375.000
Ký quỹ tại ngân hàng nước ngoài (Malaysia) để đảm bảo cho việc sử dụng tiện ích tín dụng	8.781.233.626	2.407.700.000
Các khoản ký quỹ dài hạn khác	5.000.000	5.000.000
Cộng	11.255.044.045	4.300.308.315

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ LIÊN HIỆP VẬN CHUYỂN (GEMADEPT)

Địa chỉ: Lầu 15, số 35 đường Nguyễn Huệ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**21. Vay và nợ ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty mẹ - Gemadept (Việt Nam)	6.398.277.204	2.070.478.778
Gemadept (Singapore) Ltd.	88.777.173.900	52.645.684.000
Cộng	95.175.451.104	54.716.162.778

22. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty mẹ - Gemadept (Việt Nam)	99.055.191.025	79.869.180.938
Gemadept (Singapore) Ltd.	47.361.714.100	7.887.424.864
Gemadept (Malaysia) Ltd.	17.698.852.396	23.400.308.400
Công ty OOCL Việt Nam	300.000	-
Công ty Sinokor Việt Nam	7.722.229.989	526.100.740
Cộng	171.838.287.510	111.683.014.942

23. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty mẹ - Gemadept (Việt Nam)	8.075.655.186	3.022.016.588
Công ty OOCL Việt Nam	182.542.000	-
Công ty Sinokor Việt Nam	708.992	-
Cộng	8.258.906.178	3.022.016.588

24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	5.356.771.975	3.697.166.323
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.478.245.049	21.420.816.073
Thuế thu nhập cá nhân	391.765.212	-
Các loại thuế khác	6.081.877.136	5.281.737.271
Cộng	33.308.659.372	30.399.719.667

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.19.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	53.636.265.104	45.502.358.840
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	1.963.418.364	180.600.000
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	55.599.683.468	45.682.958.840

25. Phải trả người lao động

Các khoản tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng...còn phải trả cho công nhân viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ LIÊN HIỆP VẬN CHUYỂN (GEMADEPT)

Địa chỉ: Lầu 15, số 35 đường Nguyễn Huệ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**26. Chi phí phải trả**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí luân chuyển hàng hoá	14.937.693.341	6.826.704.364
<i>Chi phí bốc xếp, lưu kho</i>	<i>12.908.291.132</i>	<i>6.413.557.686</i>
<i>Chi phí vận chuyển</i>	<i>2.029.402.209</i>	<i>413.146.678</i>
Chi phí thuê kho bãi, thuê văn phòng	180.654.545	3.862.447.862
Phụ tùng thay thế, nhiên liệu cho các tàu và cho các máy móc, thiết bị	46.753.346	1.981.799.206
Chi phí lương cho nhân viên các tàu	178.383.810	398.068.997
Chi phí bảo hiểm các tàu	-	118.862.475
Chi phí điện thoại, điện nước	383.271.111	257.063.867
Chi phí sửa chữa	499.505.625	364.616.376
Chi phí lãi vay	-	38.612.286
Cảng phí	84.203.164	163.933.700
Chi phí khác	5.447.810.955	2.118.393.029
Cộng	21.758.275.897	16.130.502.162

27. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	1.215.246.805	661.555.315
Bảo hiểm xã hội	100.977.136	80.928.415
Bảo hiểm y tế	-	12.139.262
Cổ tức phải trả	41.578.266.400	468.447.200
Doanh thu chưa thực hiện	-	2.536.063.881
Nhận ký quỹ, ký cược	543.000.000	301.640.000
Tài sản thừa chờ xử lý	321.047.724	164.130.260
Các khoản phải trả khác	62.043.018.755	66.990.209.445
- <i>Các khoản thu hộ phải trả</i>	<i>38.630.919.668</i>	<i>51.182.675.498</i>
- <i>Tiền bán hàng cảng biển phải trả ngân sách</i>	<i>1.816.291.909</i>	<i>2.451.497.764</i>
- <i>Khoản phải trả cho chủ tàu</i>	<i>1.872.338.073</i>	<i>1.782.013.835</i>
- <i>Khoản phải trả của các Công ty liên kết, hợp tác</i>	<i>15.966.170.138</i>	<i>2.782.542.200</i>
- <i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>3.757.298.967</i>	<i>8.791.480.148</i>
Cộng	105.801.556.820	71.215.113.778

28. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty mẹ - Gemadept (Việt Nam)	20.508.207.991	-
Gemadept (Singapore) Ltd.	277.732.621.850	146.240.909.000
Cộng	298.240.829.841	146.240.909.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ LIÊN HIỆP VẬN CHUYỂN (GEMADEPT)

Địa chỉ: Lầu 15, số 35 đường Nguyễn Huệ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

29. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 2.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước	69.915.970.000	41.949.590.000
Vốn góp của các cổ đông khác	275.314.370.000	165.191.020.000
Nguồn vốn tích lũy	64.945.188.649	62.535.795.649
Thặng dư vốn cổ phần	40.979.565.250	40.910.665.000
Cổ phiếu quỹ	-	(37.950.000)
Cộng	<u>451.155.093.899</u>	<u>310.549.120.649</u>

Cổ tức

Trong năm Công ty mẹ đã chi trả cổ tức năm trước là 41.745.462.400 VND.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	34.795.716	20.986.342
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	34.523.034	20.714.061
- Cổ phiếu phổ thông	34.523.034	20.714.061
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	1.265
- Cổ phiếu phổ thông	-	1.265
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	34.523.034	20.712.796
- Cổ phiếu phổ thông	34.523.034	20.712.796
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ theo quyết định của Hội đồng quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ LIÊN HIỆP VẬN CHUYỂN (GEMADEPT)

Địa chỉ: Lầu 15, số 35 đường Nguyễn Huệ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**30. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	7.311.913.510	1.829.894.519	165.654.968	(123.900.000)	9.183.562.997
Quỹ phúc lợi	3.496.721.126	1.829.894.519	30.462.398	(3.303.321.948)	2.053.756.095
Quỹ đào tạo	163.178.782	-	-	-	163.178.782
Quỹ khen thưởng, khuyến khích sản xuất	989.184.000	-	-	(483.600.000)	505.584.000
Quỹ hỗ trợ chính sách	21.411.693	-	-	-	21.411.693
Cộng	11.982.409.111	3.659.789.038	196.117.366	(3.910.821.948)	11.927.493.567

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Công ty mẹ - Gemadept (Việt Nam)	895.940.731.611	881.893.920.935
Các Công ty con	316.037.218.773	221.583.340.389
Cộng	1.211.977.950.384	1.103.477.261.324

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Công ty mẹ - Gemadept (Việt Nam)	731.806.105.216	686.667.895.263
Các Công ty con	232.835.063.170	171.885.075.328
Cộng	964.641.168.386	858.552.970.591

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi đầu tư chứng khoán	36.604.483.104	-
Lãi góp vốn liên doanh	8.751.654.660	8.150.980.442
Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay, trái phiếu	4.744.521.883	1.407.548.123
Lãi chênh lệch tỷ giá	23.509.007.250	4.847.654.057
Thu nhập tài chính khác	820.962.375	-
Cộng	74.430.629.272	14.406.182.622

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ LIÊN HIỆP VẬN CHUYỂN (GEMADEPT)

Địa chỉ: Lầu 15, số 35 đường Nguyễn Huệ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	13.858.063.195	5.653.206.583
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.969.828.974	1.400.305.881
Lỗ đầu tư chứng khoán	236.745.280	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	547.784.115	-
Chi phí khác	97.877.353	-
Cộng	16.710.298.917	7.053.512.464

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương nhân viên quản lý	41.969.423.586	30.835.628.022
Chi phí vật liệu	343.638.092	61.722.033
Chi phí đồ dùng văn phòng	679.836.823	446.380.506
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.399.594.465	5.321.371.264
Thuế, phí, lệ phí	964.666.143	5.430.624.411
Chi phí dự phòng	293.534.518	1.296.447.520
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.218.026.216	6.685.422.349
Chi phí bằng tiền khác	23.724.162.836	10.181.168.518
Cộng	89.592.882.679	60.258.764.623

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Xử lý nợ tồn đọng của các đại lý tàu, đại lý container	215.920.215	5.535.270
Thanh lý tài sản cố định	-	752.845.136
Doanh thu các năm trước	82.115.244	2.527.520.616
Thu do vi phạm hợp đồng	351.306.718	33.511.596
Các khoản tiền thưởng của khách hàng	9.955.958	1.447.145
Thu nhập khác	659.049.707	3.425.159.773
Cộng	1.318.347.842	6.746.019.536

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	558.844.876	134.573.875
Phạt vi phạm hợp đồng	-	2.522.902.578
Thuế phải nộp bổ sung theo quyết toán	222.139.621	260.861.894
Chi phí bồi thường lô hàng	571.109.660	392.104.668
Chi phí khác	35.268.224	1.901.001.402
Cộng	1.387.362.381	5.211.444.417

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ LIÊN HIỆP VẬN CHUYỂN (GEMADEPT)

Địa chỉ: Lầu 15, số 35 đường Nguyễn Huệ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(5.032.310.987)	-
Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm	4.556.712	-
Cộng	(5.027.754.275)	-

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	156.107.999.264	135.979.891.715
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	156.107.999.264	135.979.891.715
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	34.522.857	20.707.155
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.522	6.567

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	20.712.796	19.584.904
Ảnh hưởng của cổ phiếu thưởng	13.808.973	986.342
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	(198)
Ảnh hưởng của cổ phiếu quỹ bán ra	1.088	136.107
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	34.522.857	20.707.155

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	64.338.198.880	38.016.671.136
Chi phí nhân công	88.399.710.089	77.711.923.722
Chi phí khấu hao tài sản cố định	90.450.788.940	48.878.102.563
Chi phí dịch vụ mua ngoài	774.497.670.182	728.252.090.343
Chi phí khác	36.713.562.391	25.986.828.687
Cộng	1.054.399.930.482	918.845.616.451

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ LIÊN HIỆP VẬN CHUYỂN (GEMADEPT)

Địa chỉ: Lầu 15, số 35 đường Nguyễn Huệ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mua tài sản cố định chưa thanh toán	6.857.142.857	-
Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản chưa thanh toán	273.526.400	-
Mua tài sản thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	26.906.485.195	-
Tặng vốn bằng cách phát hành cổ phiếu thưởng từ lợi nhuận chưa phân phối	138.089.730.000	-
Cộng	<u>172.126.884.452</u>	<u>-</u>

Năm 2005 là năm đầu tiên Tập đoàn thực hiện lập Báo cáo tài chính hợp nhất nên chưa lập được Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất do đó Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm nay không có số liệu so sánh của năm trước.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.144.397.981	1.297.694.579
Phụ cấp	212.000.000	212.000.000
Cộng	<u>1.356.397.981</u>	<u>1.509.694.579</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Trong năm, cổ tức phân phối cho Tổng Công ty hàng hải Việt Nam là 21.041.064.376 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, cổ tức phải trả cho Tổng Công ty hàng hải Việt Nam là 8.389.916.400 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ LIÊN HIỆP VẬN CHUYỂN (GEMADEPT)

Địa chỉ: Lầu 15, số 35 đường Nguyễn Huệ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Thay đổi chính sách kế toán và bổ sung số liệu năm trước

Năm 2006, trong phạm vi có liên quan, Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005, Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và đã được Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện tại Thông tư số 20/2006/TT- BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 như sau:

VAS 11	Hợp nhất kinh doanh
VAS 17	Thuế thu nhập doanh nghiệp
VAS 18	Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng
VAS 23	Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm
VAS 27	Báo cáo tài chính giữa niên độ
VAS 28	Báo cáo bộ phận
VAS 29	Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót
VAS 30	Lãi trên cổ phiếu

Ngoài ra, Tập đoàn cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới được ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ LIÊN HIỆP VẬN CHUYỂN (GEMADEPT)

Địa chỉ: Lầu 15, số 35 đường Nguyễn Huệ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)***Bổ sung số liệu năm trước***

Trong năm trước, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn chưa bao gồm số liệu của Chi nhánh Campuchia do tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất chưa nhận được báo cáo.

Ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán và bổ sung số liệu của Chi nhánh Campuchia đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

		Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số liệu điều chỉnh lại
	Mã số		
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>			
Tiền	111	245.062.453.178	250.318.815.162
Phải thu khách hàng	131	139.146.381.935	139.156.587.631
Các khoản phải thu khác	138	128.429.515.701	34.080.181.749
Thuế GTGT được khấu trừ	152	-	316.776.834
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.408.079.986	5.242.230.000
Tài sản ngắn hạn khác	158	-	97.721.276.864
Phải thu dài hạn khác	213	4.300.308.315	-
Tài sản cố định hữu hình	221	329.898.095.656	329.991.454.760
<i>Nguyên giá</i>	<i>222</i>	<i>609.430.939.623</i>	<i>609.540.265.959</i>
<i>Hao mòn lũy kế</i>	<i>223</i>	<i>(279.532.843.967)</i>	<i>(279.548.811.199)</i>
Tài sản dài hạn khác	278	-	4.300.308.315
Chi phí phải trả	316	17.006.033.164	16.130.502.162
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	63.284.383.282	71.215.113.778
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	-	875.531.002
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	269.676.405.649	207.140.610.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413	-	62.535.795.649
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	418	-	4.594.594.415
Lợi nhuận chưa phân phối	419	250.082.428.689	251.034.494.737
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	16.577.003.526	11.982.409.111
Ngoại tệ các loại (Riel)		-	1.365.422.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ LIÊN HIỆP VẬN CHUYỂN (GEMADEPT)

Địa chỉ: Lầu 15, số 35 đường Nguyễn Huệ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số liệu điều chỉnh lại
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>			
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1.101.596.778.508	1.103.477.261.324
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	1.101.596.778.508	1.103.477.261.324
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	243.043.807.917	244.924.290.733
Doanh thu hoạt động tài chính	21	14.403.389.150	14.406.182.622
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	59.154.978.127	60.258.764.623
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	191.204.825.239	191.984.315.031
Thu nhập khác	31	6.414.834.384	6.746.019.536
Lợi nhuận khác	40	1.203.389.967	1.534.575.119
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60	192.408.215.206	193.518.890.150
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	61	45.442.085.368	45.682.958.840
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70	146.966.129.838	147.835.931.310
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ		135.110.090.243	135.979.891.715

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2007

Trương Như Nguyên
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Phụ trách kế toán

Phạm Tiến Tịnh
Tổng Giám đốc



www.auditconsult.com.vn

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Headquarters : 229 Dong Khoi St., District 1, Hoichiminh City - Tel: (08) 8 272 295 - Fax: (84-8) 8 272 300
Branch in Hanoi : 877 Hong Ha St., Hoan Kiem District, Ha Noi City - Tel: (04) 9 324 133 - Fax: (84-4) 9 324 113
Branch in Nha Trang-Khanh Hoa : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City - Tel: (058) 876 555 - Fax: (84-58) 875 327
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Ninh Kieu District, Can Tho City - Tel: (071) 764 995 - Fax: (84-71) 764 996

Số: /2007/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2006 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỐI LÝ LIÊN HIỆP VIỆT NAM CHUYÊN DỤNG (GEMADEPT)

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2006 của Công ty cổ phần đối lý liên hiệp việt nam chuyên dụng (Gemadept) và các công ty con, công ty liên kết (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2006, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đính kèm lập ngày 30 tháng 3 năm 2007, từ trang 8 đến trang __ kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần đối lý liên hiệp việt nam chuyên dụng (Gemadept). Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của Chuẩn mực Quốc tế về kiểm toán và các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có đủ niềm tin vào hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chấp nhận mẫu và áp dụng các thủ tục nghiêm ngặt nhất, kiểm tra các bằng chứng xác minh thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các tính toán và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày từng phần Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã lập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2006, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đáng tin cậy phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)

Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ kiểm toán viên số: Đ.0100/KTV

Phan Vũ Công Bá - Kiểm toán viên
Chức vụ kiểm toán viên số: Đ. 0197/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2007

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ LIÊN HIỆP VẬN CHUYỂN (GEMADEPT)

Địa chỉ: Lầu 15, số 35 đường Nguyễn Huệ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		569,369,456,452	559,498,076,728
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		103,897,171,188	250,318,815,162
1. Tiền	111	V.1	103,897,171,188	250,318,815,162
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		20,304,871,250	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	20,852,655,365	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(547,784,115)	-
III. Các khoản phải thu	130		281,607,697,786	201,979,121,610
1. Phải thu của khách hàng	131	V.3	165,161,275,745	139,156,587,631
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	22,309,542,795	29,444,549,266
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.5	94,875,577,762	34,080,181,749
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.6	(738,698,516)	(702,197,036)
IV. Hàng tồn kho	140		5,611,552,070	2,842,937,023
1. Hàng tồn kho	141	V.7	5,611,552,070	2,842,937,023
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		157,948,164,158	104,357,202,933
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	2,137,380,683	1,076,919,235
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		79,478,441	316,776,834
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.9	2,924,242,000	5,242,230,000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	152,807,063,034	97,721,276,864

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	số	mã	Số cuối năm	Số đầu năm
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		823,507,501,223	473,775,483,509
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		592,168,949,825	362,405,740,394
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	521,589,980,997	329,991,454,760
<i>Nguyên giá</i>	222		896,806,620,588	609,540,265,959
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(375,216,639,591)	(279,548,811,199)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.12	26,058,746,610	-
<i>Nguyên giá</i>	225		31,085,573,565	4,179,088,370
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(5,026,826,955)	(4,179,088,370)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	9,808,811,194	9,814,894,522
<i>Nguyên giá</i>	228		9,815,908,410	9,815,908,410
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(7,097,216)	(1,013,888)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	34,711,411,024	22,599,391,112
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		208,067,033,625	89,869,130,089
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.15	8,250,000,000	52,828,800,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.16	86,279,813,536	22,425,160,089
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.17	113,537,220,089	14,615,170,000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Lợi thế thương mại	260		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	270		23,271,517,773	21,500,613,026
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	V.18	6,984,162,741	17,200,304,711
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	V.19	5,032,310,987	-
3. Tài sản dài hạn khác	278	V.20	11,255,044,045	4,300,308,315
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,392,876,957,675	1,033,273,560,237

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A NỢ PHẢI TRẢ	300		737,421,260,315	436,430,652,710
I. Nợ ngắn hạn	310		437,779,213,877	289,133,612,708
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.21	95,175,451,104	54,716,162,778
2. Phải trả cho người bán	312	V.22	171,838,287,510	111,683,014,942
3. Người mua trả tiền trước	313	V.23	8,258,906,178	3,022,016,588
4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	V.24	33,308,659,372	30,399,719,667
5. Phải trả công nhân viên	315	V.25	1,638,076,996	1,967,082,793
6. Chi phí phải trả	316	V.26	21,758,275,897	16,130,502,162
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.27	105,801,556,820	71,215,113,778
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		299,642,046,438	147,297,040,002
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		101,640,000	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.28	298,240,829,841	146,240,909,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		185,156,712	180,600,000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1,114,419,885	875,531,002
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		636,656,890,898	578,793,165,032
I. Vốn chủ sở hữu	410		624,729,397,331	566,810,755,921
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.29	345,230,340,000	207,140,610,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.29	40,979,565,250	40,910,665,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.29	64,945,188,649	62,535,795,649
4. Cổ phiếu quỹ	413	V.29	-	(37,950,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	414		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415	V.29	778,567,525	266,466,100
7. Quỹ đầu tư phát triển	416		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	417	V.29	366,080,020	366,080,020
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	418	V.29	5,825,431,247	4,594,594,415
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	419	V.29	166,604,224,640	251,034,494,737
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		11,927,493,567	11,982,409,111
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	V.30	11,927,493,567	11,982,409,111
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500		18,798,806,461	18,049,742,495
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,392,876,957,675	1,033,273,560,237

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		257,033,038	-
5. Ngoại tệ các loại:			
USD		2,525,467.18	11,783,425.75
EUR		128,857.68	-
SGD		1,738,591.00	36,342.32
MYR		752,443.00	4,184,414.71
Riel		392,396,000	1,365,422,000
6. Dự toán chi phí hoạt động		-	-

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2007

Trương Như Nguyên
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Phụ trách kế toán

Phạm Tiến Tịnh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ LIÊN HIỆP VẬN CHUYỂN (GEMADEPT)

Địa chỉ: Lầu 15, số 35 đường Nguyễn Huệ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2006

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND
			Năm nay
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01		219,573,969,254
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11, 12, 13	90,450,760,393
- Các khoản dự phòng	03		841,318,633
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		1,718,899,723
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(64,879,936,479)
- Chi phí lãi vay	06		13,858,063,195
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		261,563,074,719
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(34,809,613,810)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2,768,615,047)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		42,673,597,923
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		9,155,680,522
- Tiền lãi vay đã trả	13		(13,896,675,481)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(51,463,418,364)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		89,906,574,614
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(159,580,126,877)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		140,780,478,200
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(269,315,650,036)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(191,480,845,518)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		44,521,714,202
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		25,321,577,505
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(390,953,203,847)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006			
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)			

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	<u>Năm nay</u>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		106,850,250
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		240,881,714,500
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(96,313,684,330)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(44,154,855,073)
7. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông thiểu số			-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		<u>100,520,025,347</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(149,652,700,301)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	250,318,815,162
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại t	61		3,231,056,327
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	103,897,171,188

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2007

Trương Như Nguyên
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Phụ trách kế toán

Phạm Tiến Tịnh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ LIÊN HIỆP VẬN CHUYỂN (GEMADEPT)

Địa chỉ: Lầu 15, số 35 đường Nguyễn Huệ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2006

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1,211,977,950,384	1,103,477,261,324
2. Các khoản giảm trừ	02	VI.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1,211,977,950,384	1,103,477,261,324
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	964,641,168,386	858,552,970,591
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		247,336,781,998	244,924,290,733
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	74,430,629,272	14,406,182,622
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	16,710,298,917	7,053,512,464
Trong đó: chi phí lãi vay	23		13,858,063,195	5,653,206,583
8. Chi phí bán hàng	24		165,879,417	33,881,237
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	89,592,882,679	60,258,764,623
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		215,298,350,256	191,984,315,031
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1,318,347,842	6,746,019,536
12. Chi phí khác	32	VI.7	1,387,362,381	5,211,444,417
13. Lợi nhuận khác	40		(69,014,539)	1,534,575,119
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	41		4,344,633,536	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		219,573,969,254	193,518,890,150

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.24	55,599,683,468	45,682,958,840
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.8	(5,027,754,275)	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		169,002,040,060	147,835,931,310
<i>18.1.Lợi ích của cổ đông thiểu số</i>			<i>12,894,040,796</i>	<i>11,856,039,595</i>
<i>18.2.Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ</i>			<i>156,107,999,264</i>	<i>135,979,891,715</i>
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	4,522	6,567

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2007

Trương Như Nguyên
 Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
 Phụ trách kế toán

Phạm Tiến Tịnh
 Tổng Giám đốc